

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH AN GIANG

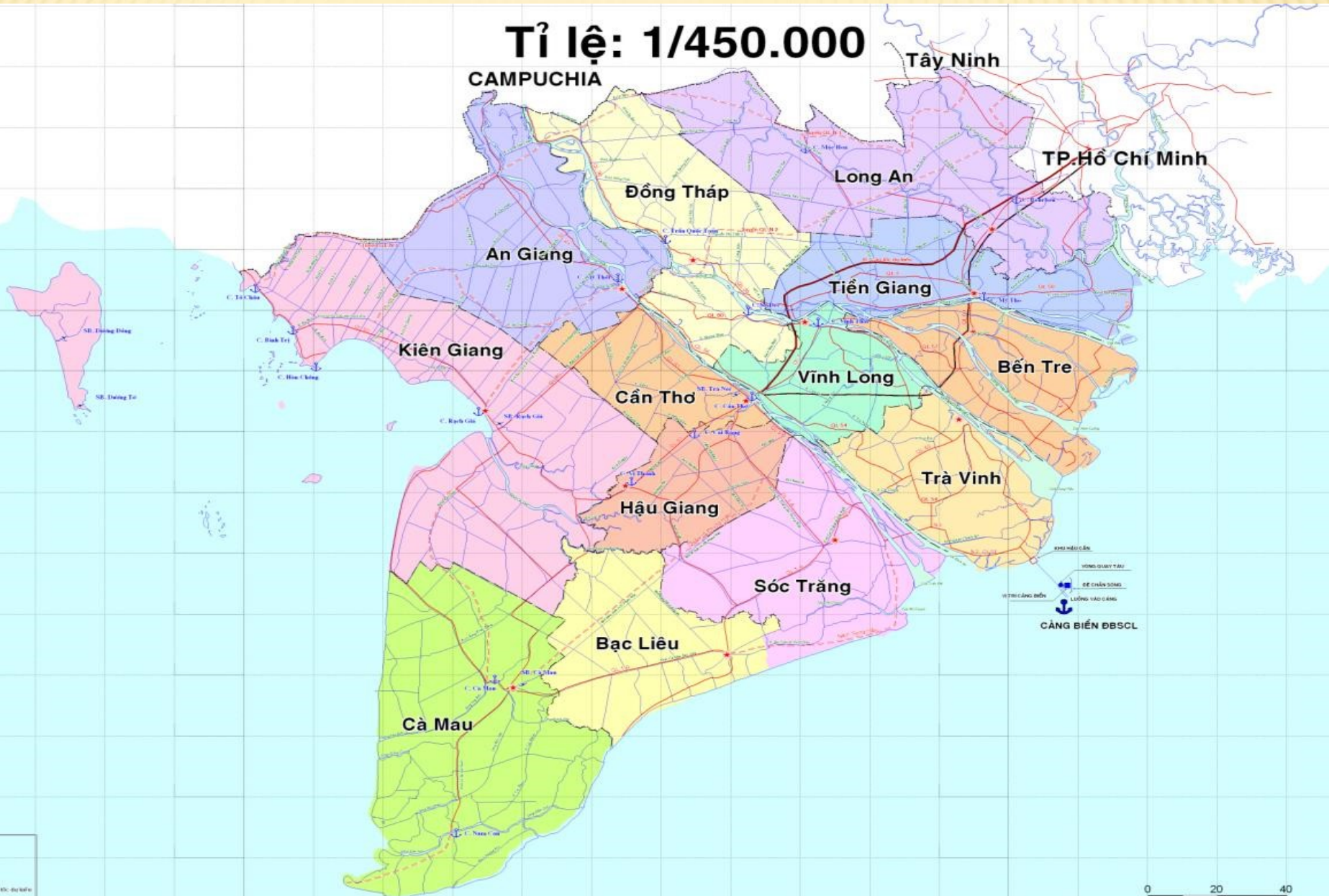
✕ Bài AN GIANG

TIỀM NĂNG VÀ HIỆN THỰC

Phan Chánh Dưỡng

VÙNG ĐBSCL

Tỉ lệ: 1/450.000



NHẬN DẠNG (VỀ TIỀM NĂNG)

- * Về vị trí địa lý thiên nhiên (thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội An Giang)
- * Về lịch sử văn hóa xã hội (dân tộc tôn giáo v.v...)
 - Vấn đề giao thông.
- * Tình hình phát triển kinh tế vừa qua.
- * Mối quan hệ về kinh tế xã hội của An Giang với các Trung tâm kinh tế khu vực và với vùng chung quanh.

VỊ TRÍ TỈNH AN GIANG

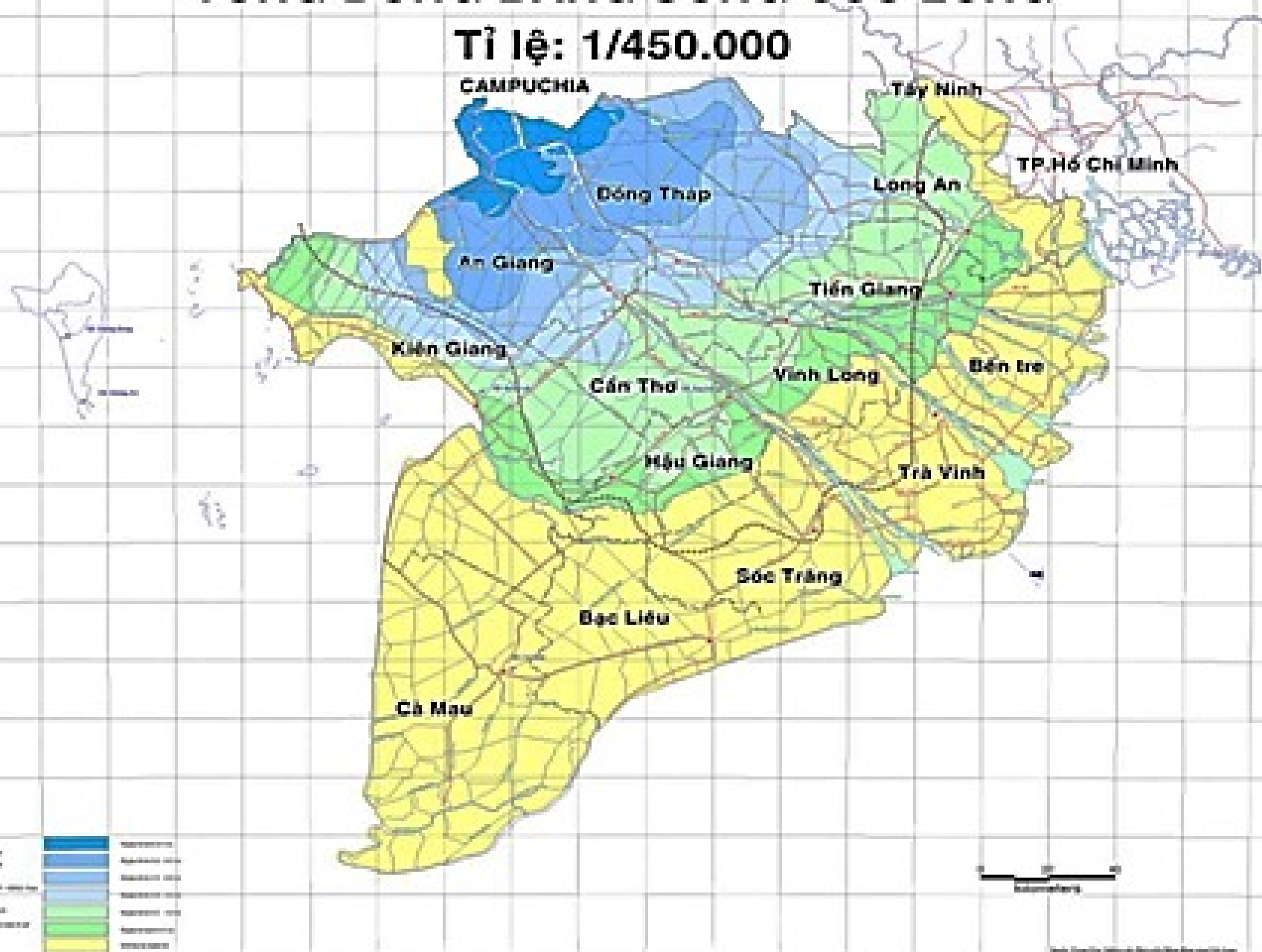
The map illustrates the location of An Giang province within the Mekong Delta region of Vietnam. It is bordered by several provinces: to the north by Takieng and Prey Veng; to the east by Svay Rieng and Svay Rieng; to the south by Can Tho and Vinh; and to the west by Kien Giang and Kien Long. The map also shows the province's internal administrative divisions, including districts and communes. The Mekong River is a prominent feature, flowing through the province and forming a natural boundary with neighboring areas. The map is color-coded to distinguish between different regions: pink for the northern part, yellow for the central part (An Giang), and green for the southern part. Major cities and towns are marked with red dots and labels, while smaller settlements are indicated by smaller red dots. The map also shows the province's coastline along the Gulf of Thailand and the Mekong River.

VỊ TRÍ AN GIANG

- Phía Tây Bắc có đường biên giới tiếp giáp với nước Campuchia (qua 5 cửa khẩu Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình, Vĩnh Thuận, Bắc Đại).
- Phía Đông và Đông Nam tiếp giáp với Đồng Tháp và Cần Thơ
- Phía Tây Nam tiếp giáp với Kiên Giang.

BẢN ĐỒ NGẬP Lũ VÀ XÂM NHẬP MẶN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tỉ lệ: 1/450.000



VỀ ĐỊA LÝ THIÊN NHIÊN:

- Có Sông Tiền, Sông Hậu chảy qua theo hướng Tây Bắc Đông Nam.
- Dãy núi Thất Sơn gồm có 40 ngọn (núi Sam, núi Cấm)
- Vào mùa lũ, diện tích toàn tỉnh có 9% dt không bị ngập, 21,3% dt ngập dưới 0,3m và 46% ngập trên 1 m.
- Thời gian ngập dưới 3 tháng chiếm 22,2% dt. Thời gian ngập trên 4 tháng chiếm 46,3% dt.
- Khu vực nằm trong “vùng Tứ giác Long Xuyên” thường ngập mặn vào mùa lũ và thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- Đất phèn chiếm 25% đất tự nhiên.

NAM KỲ LỤC TỈNH

13 TỈNH THÀNH ĐBSCL NGÀY NAY



TỈNH AN GIANG

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ (người/km ²)
1	TP Long Xuyên	108,9	244.000	2.239
2	TX Châu Thành	100,8	108.000	1.071
3	H. An Phú	208,0	108.000	519
4	H. Châu Phú	408,8	108.000	264
5	H. Châu Thành	344,8	108.000	313
6	H. Chợ Mới	344,8	108.000	313
7	H. Tân Phú	217,5	108.000	496
8	H. Tân Châu	100,8	108.000	1.071
9	H. Thoại Sơn	408,8	108.000	264
10	H. Tịnh Biên	307,4	108.000	351
11	H. Tri Tôn	344,8	108.000	313
	Tổng cộng	2.400,2	2.400.000	100

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (đơn vị hành chính cấp xã)	
H. AN PHÚ	
1. TP Long Xuyên	1. TP Châu Phú A
2. TP Mỹ Xuyên	2. TP Châu Thành
3. TP Mỹ Xuyên	3. TP Châu Phú B
4. TP Mỹ Xuyên	4. TP Mỹ Xuyên
5. TP Mỹ Xuyên	5. TP Mỹ Xuyên
6. TP Mỹ Xuyên	6. TP Mỹ Xuyên
7. TP Mỹ Xuyên	7. TP Mỹ Xuyên
8. TP Mỹ Xuyên	8. TP Mỹ Xuyên
9. TP Mỹ Xuyên	9. TP Mỹ Xuyên
10. TP Mỹ Xuyên	10. TP Mỹ Xuyên



VỀ HÀNH CHÍNH

An Giang có 1 Tp (Long Xuyên),
2 thị xã (Châu Đốc, Tân Châu) và 9 huyện (An Phú,
Tân Châu, Phú Tân, Chợ Mới, Châu Phú, Châu
Thành, Thoại Sơn, Tịnh Biên, Tri Tôn).

*** Dân Số Tỉnh An Giang**

Năm 2011, Dân số: 2,1 tr người, trong đó gồm :
86 ngàn người khmer (tín ngưỡng Phật giáo Nam
Tông) .

14,8 ngàn người Hoa (tín ngưỡng Phật giáo Đại
Thừa và thờ cúng Ông bà).

13,7 ngàn người Chăm (tín ngưỡng Hồi giáo).

VỀ GIAO THÔNG:

- Giao thông thủy gồm 2 tuyến Sông Tiền và Sông Hậu (thông qua Campuchia và các tỉnh thành vùng ĐBSCL). Trên Sông Hậu có cảng Mỹ Thới (cho tàu 10 ngàn tấn cập bến)
- Với QL 91 và QL80, Từ Tp Long Xuyên có thể đến TpHCM, Tp Cần Thơ, và nối liền qua Campuchia (Thị xã Takeo) qua cửa khẩu Tịnh Biên.
- Khoảng cách từ Tp Long Xuyên đến Tp HCM khoảng 190km nhưng phải qua hai phà An Hòa (sông Tiền) và phà Vàm Cống (sông Hậu) nên phải mất khoảng 4 g xe.
- Nếu hai cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống qua hai Sông nêu trên hoàn thành thì thời gian giao thông sẽ được rút ngắn lại hơn.

VỀ KINH TẾ

- * Nông nghiệp chủ yếu gồm:
 - Thủy sản (cá basa ..) năm 2011 xuất khẩu 400 triệu USD
 - Lúa gạo (Tập đoàn Lộc Trời; mô hình cánh đồng mẫu lớn). Năm 2011 XK được 274tr USD.
- * Nếu tính chung cho các mặt hàng khác năm 2010 kim ngạch xuất khẩu của tỉnh khoảng 830tr USD.

CÔNG NGHIỆP DỊCH VỤ

- * Khu Công nghiệp (Bình Long 25ha, Bình Hòa 131ha) có 14 dự án đầu tư trong đó 2 dự án nước ngoài.
- * Kinh tế cửa khẩu của 5 cửa khẩu, kim ngạch XNK năm 2010 khoảng 1,1 tỷ USD (nhà nước địa phương đã đầu tư vốn khác lớn và rất kỳ vọng nguồn thu từ đây).
- * Kinh tế Du lịch
- * Lễ hội Bà Chúa Xứ (núi Sam từ ngày 23-27/4 âm lịch) du khách khoảng 2 tr người/ năm.

THU HÚT ĐẦU TƯ

- * So sánh vốn đầu tư nước ngoài (tính đến 2011)
- * Cả nước: 13,440 dự án thu hút được 199 tỷ USD
- * Vùng ĐBSCL: 678 dự án, thu hút được khoảng 10 tỷ USD
- * An Giang: 16 dự án thu hút được 121tr USD (hơn Vĩnh Long; 91tr USD, Bạc Liêu; 89tr USD, Đồng Tháp; 46tr USD, Sóc Trăng 29tr USD)

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI HIỆN NAY

- ✘ 1. Đánh giá qua số liệu thống kê, và qua tìm hiểu phản ánh của các đối tượng cụ thể và thông qua quan sát thực địa kiểm nghiệm.
 - 2. Nhận dạng các động lực phát triển (như những ngành hàng chủ lực, các khu công nghiệp, kinh tế cửa khẩu,...).
- ✘ 3. Những yếu tố trở ngại.

Phụ lục 2 : Một số chỉ tiêu GDP tỉnh An Giang

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	Trung bình
Tăng trưởng GDP	6,2%	4,5%	10,5%	9,0%	11,6%	9,1%	9,0%	13,5%	12,8%	6,8%	9,4%	11,1%	9,7%
	GDP theo theo khu vực kinh tế												
Khu Vực I	41,6%	39,9%	40,0%	38,9%	38,7%	38,5%	34,6%	35,3%	39,6%	35,5%	34,4%	33,7%	
Khu Vực II	11,2%	12,2%	12,3%	12,4%	12,1%	12,3%	12,8%	12,4%	12,0%	12,3%	12,1%	12,2%	
Khu Vực III	47,3%	47,9%	47,7%	48,6%	49,2%	49,3%	52,7%	52,3%	48,5%	52,2%	53,5%	54,1%	
	GDP theo thành phần kinh tế												
KT nhà nước	14,2%	14,8%	14,2%	14,9%	16,0%	15,1%	14,5%	14,4%	13,1%	14,1%	14,2%	13,8%	
NN Trung Ương	3,5%	4,3%	4,4%	4,7%	5,1%	4,6%	4,8%	5,0%	4,6%	5,3%	5,4%	4,8%	
NN Địa phương	10,4%	10,2%	9,5%	9,8%	10,4%	10,1%	9,5%	9,2%	8,3%	8,6%	8,7%	8,9%	
Thuế XNK	0,3%	0,3%	0,3%	0,4%	0,5%	0,4%	0,2%	0,2%	0,1%	0,1%	0,1%	0,1%	
KT ngoài quốc doanh	85,7%	85,1%	85,7%	85,0%	83,9%	84,9%	85,4%	85,5%	86,7%	85,9%	85,8%	86,1%	
KT tập thể	2,8%	2,7%	1,6%	1,2%	1,0%	1,0%	1,2%	1,0%	0,9%	1,0%	1,1%	1,0%	
KT tư nhân	2,0%	3,0%	4,4%	5,7%	6,0%	6,6%	7,8%	8,8%	10,3%	11,7%	12,2%	12,1%	
KT cá thể	80,9%	79,4%	79,7%	78,2%	76,9%	77,3%	76,4%	75,7%	75,5%	73,2%	72,5%	73,0%	
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,1%	0,1%	0,0%	0,1%	0,0%	0,1%	0,1%	0,1%	0,2%	0,0%	0,0%	0,0%	

Nguồn: Niên Giám thống kê An Giang

Phụ lục 10: Cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn tỉnh An Giang theo khoản thu

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	929,6	774,6	855,2	1392,6	1649,5	1773,1	2070,7	2375,6	2915,8	3098,8	3934,2
Tổng thu các khoản cân đối NSNN	565,7	639,6	730,8	1164,9	1332,4	1467,2	1689,6	1694,1	2110	2251,7	2788,5
Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước	535,9	598,5	692,4	1097,7	1237,4	1389,1	1640,7	1650,5	2056,7	2177,3	2728,3
Thu từ DNNN trung ương	20,1	54,2	71,6	128,7	152,8	162	129,1	108,2	133,4	161,3	191,2
Thu từ DNNN địa phương	91,5	73	63,7	82,4	98,7	86,1	84	118,3	226,2	319,9	410,7
Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,2	9,3	13,9	11,6	9,5	6	6,9	7,1	5	53,6	78,8
Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	148,5	170,5	195,4	252,2	310,9	369,1	446,8	571	760,9	653,6	822,3
Thuế thu nhập cá nhân	13	15,9	16,2	19,2	24,6	36,8	44,4	69	77,5	144,1	206,3
Thu phí xăng dầu	16	0	0	20,2	46,8	88,8	87,5	88,2	95,7	128,7	134,6
Các khoản thu về nhà đất	75,7	75,2	75,5	84	204,2	222,1	270,9	403,4	410,1	475,7	563
Thu xổ số kiến thiết	101,7	125,3	159,2	204,7	243,7	280,2	340,6	-	-	-	-
Khác	68,2	75,2	97	294,7	146,2	137,9	230,5	285,3	347,9	240,3	321,5
Trong đó:	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VAT	94,7	128,7	167,3	221,8	292,2	321	357,8	455,1	648,5	817,2	959,3
Thu nhập doanh nghiệp	128,1	126,6	119,7	138,3	179,9	204,2	220,2	286,1	410	241,8	389,8
Tiêu thụ đặc biệt	21,8	29,1	32,7	39	46,3	32,6	34	42,3	44,9	50	48
Thu hải quan	29,8	41	38,5	67,2	95	78,1	48,9	43,5	53,3	74,4	60,2
Viện trợ Không hoàn lại	1,8	7	0,7	2,4	9,4	8,8	6,8	6,5	16,6	0,4	3,2
Thu huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 luật NSNN	273	35	70	68,5	110,2	68,7	143,2	100	0	60	233
Các khoản thu huy động để lại chi quản lý qua NSNN	89,1	93,1	53,6	156,8	197,5	228,4	231,1	228,4	387,1	319,4	383,7
Thu xổ số kiến thiết	0	0	0	0	0	0	0	346,6	402,1	467,3	525,8
TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	1535,5	1516,8	1717,5	1975,4	2298	2699,4	3123,5	3880,3	4835,4	5638,9	6730,2
Các khoản thu hưởng 100%	317,2	304,5	419,3	414,6	495,8	536,6	658	721,7	805,6	914,6	1088,6
Thu phân chia theo tỷ lệ % NSDP được hưởng	278,1	305,6	337,4	438,7	589,7	683,4	743,8	940,7	1.276,5	1381,8	1737,9
Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	438,1	498,4	611,1	596,5	481,8	516,9	563,6	966,1	1.230,7	1516,9	2003,2
Thu quản lý lại qua NS	89,1	93,1	53,6	156,8	197,5	228,4	231,1	575	789,2	786,7	909,5
Thu khác	413	315,2	296,1	368,7	533,3	734	927	676,7	733,4	1038,9	991,1

Đơn vị: tỷ đồng

Nguồn: UBND Tỉnh An Giang và Báo cáo quyết toán Bộ Tài chính

ĐỀ XUẤT NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

a/ Chủ trương chính sách

b/ Vai trò của doanh nghiệp

c/ Các yếu tố đặc thù cần phải thực thi để thúc đẩy sự phát triển.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

- ✖ **Nhận dạng** (về tiềm năng)
- ✖ Về vị trí địa lý thiên nhiên (thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội An Giang)
- ✖ Về lịch sử văn hóa xã hội (dân tộc tôn giáo v.v...)
- ✖ Vấn đề giao thông.
- ✖ Mối quan hệ về kinh tế xã hội của An Giang với các Trung tâm kinh tế khu vực và với vùng chung quanh.

Một số thông tin liên quan vùng ĐBSCL (Tham khảo thêm)

MỘT SỐ ĐẶC TÍNH CĂN BẢN

1. Nông nghiệp
2. Thiên nhiên ưu đãi
3. Xuất khẩu nguyên liệu thô
4. Đặc điểm con người
5. Đặc điểm xã hội

NHẬN DIỆN XU THẾ PHÁT TRIỂN

- Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
 - Tham gia chuỗi giá trị và cạnh tranh toàn cầu
 - Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh
 - Nhà nước quy hoạch xây dựng hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội trước một bước để tạo điều kiện cho phát triển nhanh và bền vững
- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế
 - Đa dạng hóa nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu
 - Công nghiệp hóa, xây dựng nông thôn mới
- Hợp tác liên vùng tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia

PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH

- Tiềm năng du lịch sinh thái
- Tài nguyên thiên nhiên: đất, nước, khí hậu nhiệt đới
- Lao động dồi dào
- Quy mô lớn về nông nghiệp với thị trường ổn định (lúa gạo, cá basa ...) nơi đưa ra sáng kiến nông trường mẫu lớn trước tiên
- Đặc tính văn hóa, con người An Giang nói riêng và ĐBSCL nói chung (tinh thần người xa xứ, khẩn hoang, xây dựng vùng đất mới, sáng tạo và đoàn kết)
- Thời cơ mới đang mở ra (khoa học công nghệ mới có thể giúp cho ngành nông nghiệp phát triển nhanh

PHÂN TÍCH ĐIỂM YẾU

- Lúng túng về mô hình phát triển và quy hoạch
- Cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội thấp
- Giao thông không thuận lợi (đường bộ /sông /biển)
- Sử dụng lao động không tốt
 - Trình độ giáo dục và chuyên môn
 - Tỷ lệ sử dụng lao động thấp (75%)
- Đầu tư thấp (cả FDI và đầu tư trong nước)
- Tổ chức ngành nghề
 - Chưa ổn định, thiếu tính chuyên nghiệp
 - Công nghệ chế biến chưa phát triển
- Tâm lý xã hội về tiết kiệm và phát triển thấp
- Hình tượng An Giang cũng như ĐBSCL không rõ nét
- Chưa có một kế hoạch mang tính chiến lược đối phó với sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra

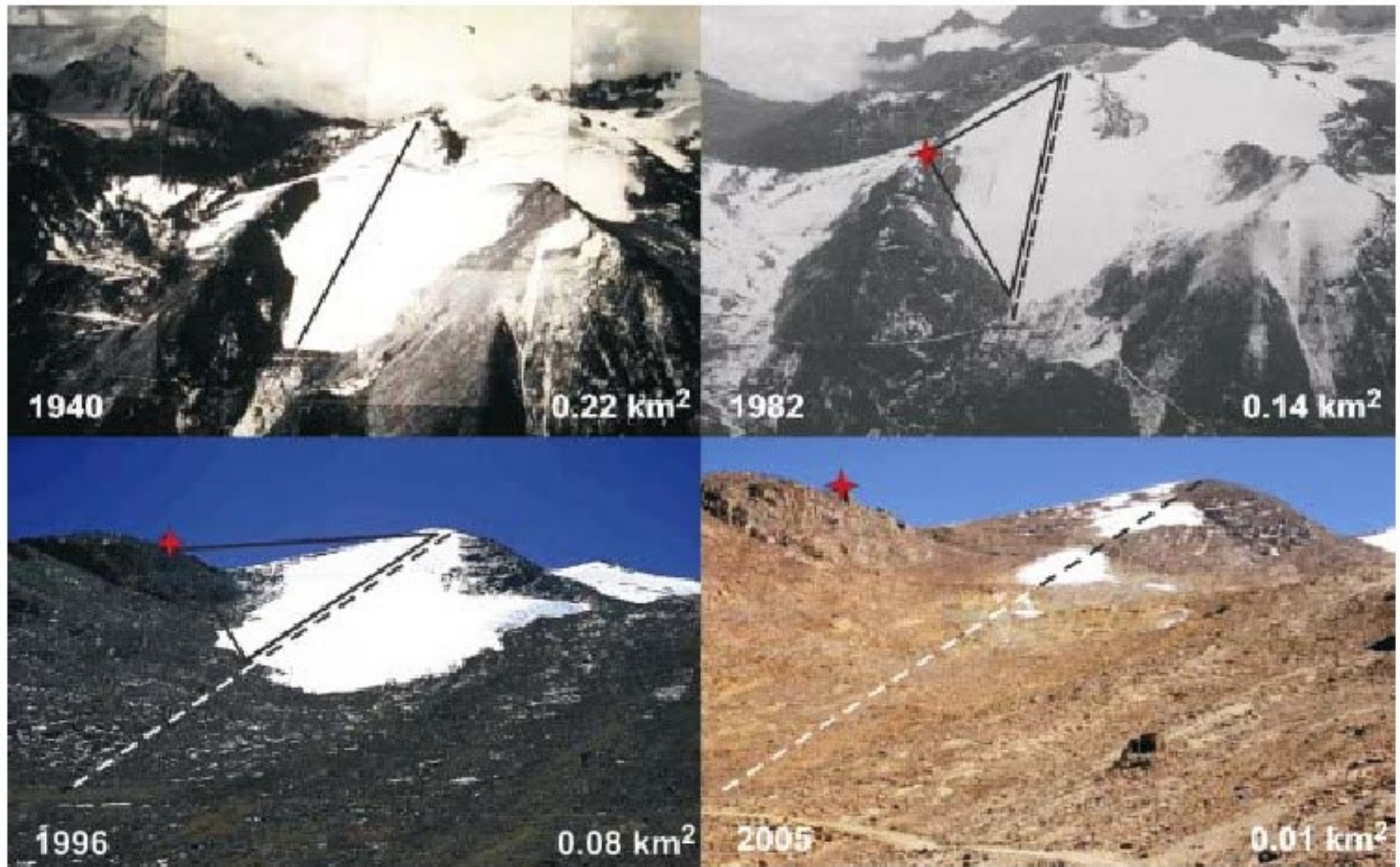
Một vài hình ảnh về biến đổi khí hậu



Sông băng Argentina Wu Shala. Hình trên chụp vào năm 1928. Hình dưới chụp vào năm 2004. Cách nhau 76 năm, hình trên cả con sông băng như tuyết trắng, hình dưới lại là một hồ nước trong veo, đủ cho thấy sự ảnh hưởng to lớn về biến đổi khí hậu.

Sông băng Bolivia lùi về phía sau

[16°21'12"S, 68°07'53"W]



Areal extent of Chacaltaya Glacier, Bolivia, from 1940 to 2005

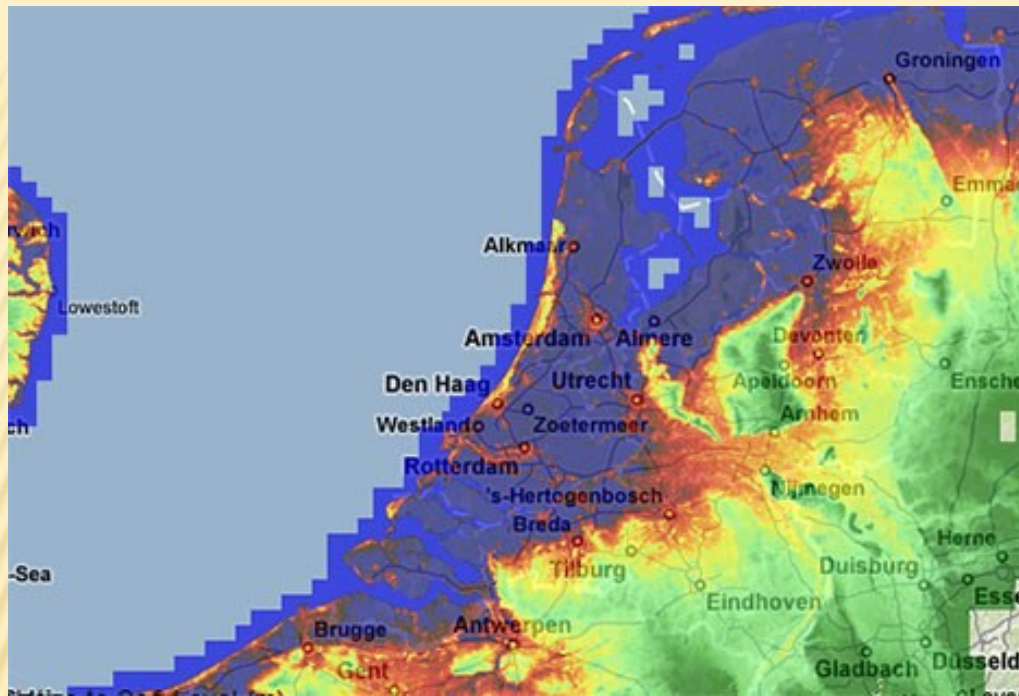


Sông băng Shepard Hoa Kỳ.
Bên trái chụp vào năm 1913, bên phải chụp năm 2005.

Khối lượng của các sông băng, và khối băng (Bắc cực và Nam cực) khi bị tan, sẽ đóng góp cho mực nước biển tăng lên

Vị trí	Khối lượng (km ³)	Mực nước biển tăng (mét)
Phía đông đại lục Nam cực	26,039,200	64.8
Phía tây đại lục Nam cực	3,262,000	8.1
Bán đảo Nam Cực	227,100	0.5
Vùng đất Greenland	2,620,000	6.6
Sông băng ở các vùng núi cao và các chỏm băng khác	180,000	0.5
Tổng cộng	32,328,300	80.3

<http://pubs.usgs.gov/factsheet/fs50-98/>



Cả nước Hà Lan có $\frac{1}{4}$ đất thấp dưới mực nước biển. Vì sự sinh tồn của đất nước, không thể không vắt óc suy nghĩ tìm biện pháp đối phó với tốc độ mực nước biển dâng cao ngày càng nhanh. Nhà kiến trúc sư nhiều sáng kiến đã sáng tạo ra “nhà lưỡng thể” (vừa trên nước vừa trên cạn) biết bơi. Trong tương lai cho dù mực nước biển hoặc sông suối có tràn ngập qua đê điều, những ngôi nhà “lưỡng thể” này không bị phá hủy, nó sẽ tồn tại trôi nổi trên mặt nước.



PHÂN TÍCH CƠ HỘI

- Hội nhập quốc tế:
 - Tác động của các hiệp định thương mại và WTO
 - Vai trò ngành nông nghiệp trên phạm vi toàn cầu trong tương lai
- Tiến bộ công nghệ:
 - Công nghệ thông tin
 - Công nghệ sinh học và các ngành ứng dụng có khả năng tạo ra bước phát triển mới cho sản phẩm mới chế biến từ sản phẩm nông nghiệp
- Tác động lan tỏa từ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam
- Vai trò trung tâm của thành phố Cần Thơ trong tương lai

NHẬN DIỆN VẤN ĐỀ CHÍNH

- Chuyển đổi cơ cấu giao thông: làm cơ sở cho quy hoạch lại về kinh tế và dân cư
- Chọn ngành kinh tế thích hợp với lợi thế của Tỉnh (phát triển công nghiệp trên nền tảng nông nghiệp)
- Huy động và sử dụng nguồn vốn hiệu quả
- Đào tạo và sử dụng lao động
- Nhu cầu phải có mô hình đột phá?

XU THẾ MỚI CỦA THẾ KỶ 21

**Đối phó với sự biến đổi khí hậu trở thành
mục tiêu quan trọng nhất của thế giới**

VẤN ĐỀ NĂNG LƯỢNG

- Năng lượng vẫn là động lực phát triển kinh tế xã hội của con người.
- Trước sự biến đổi khí hậu, các nước đang chạy đua tìm đến loại năng lượng xanh (năng lượng mặt trời, gió, sóng biển, thủy triều v.v...).
- Nhưng vẫn giành giật tích trữ năng lượng hóa thạch (dầu hỏa, than đá, khí thiên nhiên), hy vọng khoa học kỹ thuật mới sẽ xử lý được sự ô nhiễm môi trường do sử dụng loại năng lượng này gây ra. Tuy nhiên, sẽ có những qui định về giới hạn khí thải CO₂, do đó giá thành sử dụng loại năng lượng này sẽ tăng cao.

NGUYÊN LIỆU

- Từng bước tiến đến sử dụng nguyên liệu không gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu có gốc thực vật nhưng không làm mất cân bằng sinh thái thiên nhiên (rừng, nước, v.v...).
- Sẽ có những chi phí mang tính toàn cầu cho việc khai thác nguyên liệu thiên nhiên để hạn chế các nước khai thác nguồn nguyên liệu thiên nhiên gây sự mất cân bằng sinh thái môi trường.

ĐẤT CANH TÁC VÀ VẬT NUÔI CÂY TRỒNG

- Theo nghiên cứu của các nhà nông nghiệp, một ha đất canh tác nếu:
 - Trồng khoai tây có thể nuôi 22 người /năm
 - Trồng lúa có thể nuôi 19 người /năm
 - Nuôi cừu cung cấp thịt có thể nuôi 2 người /năm
 - Nuôi bò cung cấp thịt có thể nuôi 1 người /năm
- Theo các chuyên gia chăn nuôi :
 - Tạo ra 1 cân thịt bò ta cần cung cấp 16 cân ngũ cốc và 19.737 lít nước.

VẤN ĐỀ DÂN SỐ VÀ LƯƠNG THỰC

- Dân Số thế giới ước tính sẽ tăng thêm 1,2 tỷ người vào khoảng năm 2025, trong khi đó đất nông nghiệp lại giảm, năng xuất sản xuất nông nghiệp tăng chậm.
- Đất dành cho sản xuất lương thực còn bị sự tranh dành của cây có dầu phục vụ cho nguồn năng lượng từ thực vật.
- Giá lương thực sẽ tăng cao trong tương lai.

VẤN ĐỀ CƠ CẤU BỮA ĂN

- Sự hình thành của ngũ tạng con người
- Cuộc sống con người từ thời đại thiếu protein chuyển sang thời đại thừa protein
- Cơ cấu bữa ăn
 - Ăn no
 - Ăn bổ dưỡng
 - Ăn bảo vệ sức khỏe
- Cơ cấu bữa ăn VN (cơ cấu bữa ăn cho tương lai)

Cơ hội cho ẩm thực Việt Nam

- Cơ cấu bữa ăn, ít thịt cá, nhiều rau củ, thanh đạm, dễ tiêu hóa...
- Nguồn nguyên liệu dồi dào của nước VN (nước nông nghiệp)
- Thói quen tiêu dùng (có sẵn thị trường...)
- Thế giới đang đương đầu với sự biến đổi khí hậu trái đất nóng lên.
- Bữa ăn ít thịt để bảo vệ môi trường.

CẦN CÓ MỘT SỰ NGHIÊN CỨU NGHIÊM TÚC KHOA HỌC Ở BẠC ĐẠI HỌC

- a) Phân tích thành phần nguyên liệu và gia vị (vi lượng ẩn chứa bên trong) theo khoa học phương Tây
- b) Phân tích thành phần nguyên liệu, phụ liệu gia vị,... theo truyền thống phương đông
- c) Xây dựng tiêu chí chất lượng
- d) Nghiên cứu bản chất độ tươi của nguyên liệu theo thời gian
- e) Nghiên cứu cách chiết xuất các chất dinh dưỡng

Thức uống

Âm thực gồm có ăn và uống.

Trước mắt chúng ta nghiên cứu thức ăn trước.

Tuy nhiên nếu có điều kiện chúng ta cũng có thể nghiên cứu thêm thức uống gồm rượu, trà, nước trái cây tươi, nước trái cây lên men, cà phê v.v....

Về mặt nhà trường nên tiến hành công tác đào tạo ở hai cấp khác nhau

➤ Ngành học ẩm thực hiện đại ở bậc đại học.

➤ Ngành chế biến thức ăn (đầu bếp chính) ở bậc cán sự. Và Ngành tổ chức dịch vụ kinh doanh ẩm thực (Chez nhà hàng) bậc cán sự

Phải chuẩn bị nguồn nguyên liệu và thị trường cho tương lai

- Các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu (nông nghiệp...)
- Các doanh nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
- Các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng khách sạn
- Những người có tay nghề giỏi truyền thống đã hay đang là những đầu bếp giỏi xưa nay.
- Các đối tượng yêu nghề văn hóa ẩm thực, có thích thú với ý tưởng phát triển ngành học của chúng ta.
- Nghiên cứu protein từ côn trùng sẽ thành nguồn thực phẩm bổ sung trong tương lai

MỘT VÀI VẤN ĐỀ VỀ TƯ DUY

- ✘ Đầu tư vào nông nghiệp còn chưa đúng tầm. Vì :
- ✘ Xem nông nghiệp không phải là mũi nhọn để phát triển kinh tế quốc gia.
- ✘ Xem sản xuất nông, lâm, thủy, hải sản lệ thuộc thiên nhiên, lệ thuộc thị trường. Người lao động không thể giàu lên
- ✘ Khi nói đến chính sách công nghiệp hóa là chỉ nghĩ đến công nghiệp đơn thuần (không bao hàm nông nghiệp)
- ✘ Người lao động trong nông nghiệp chưa giàu lên là do chính sách bất cập và do ngành nông nghiệp chưa có lộ trình hiện đại hóa

CÔNG NGHIỆP HÓA

TRONG NÔNG NGHIỆP

KHÁI NIỆM VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA

- ✕ Tính chất của nông nghiệp (khu vực I)
- Tính chất của công nghiệp (khu vực II)
- Tính chất của dịch vụ thương mại (Khu Vực III)
- ✕ **Công Nghiệp Hóa :**
 - Là sự kết nối từ khâu nghiên cứu đến khâu sản xuất chế biến ra các dạng sản phẩm khác nhau để cung ứng cho các khâu sản xuất ra các loại hàng hóa sản phẩm phụ vụ cho người tiêu dùng một cách khoa học mà mọi khâu đều được **dự toán trước.**
 - Tạo nên một chuỗi giá trị gia tăng nối tiếp nhau trên cơ sở phân ra từng công đoạn và kết nối liên tục từ khâu đầu; dịch vụ nghiên cứu, sản xuất, chế biến, giao nhận, bảo quản, phân phối (bán buôn, bán lẻ) đến tay người tiêu dùng cuối cùng **một cách hiệu quả nhất**

BẢN CHẤT CỦA CÔNG NGHIỆP HÓA

- ✘ Tính chủ động về thời gian.
- ✘ Tính dự đoán trước, chủ động về chất lượng, số lượng, chi phí đầu ra, đầu vào của từng công đoạn.
- ✘ Kết nối nắm bắt được với thị trường theo qui luật cung cầu.
- ✘ Trên cơ sở qui hoạch phát triển ngành kinh tế, thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế địa phương và quốc gia.
- ✘ Áp dụng công nghệ tiên tiến của thế giới vào mọi công đoạn.

(Với tinh thần trên mọi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ đều có thể công nghiệp hóa – đặc biệt là Nông nghiệp)

NHUỢC ĐIỂM CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP

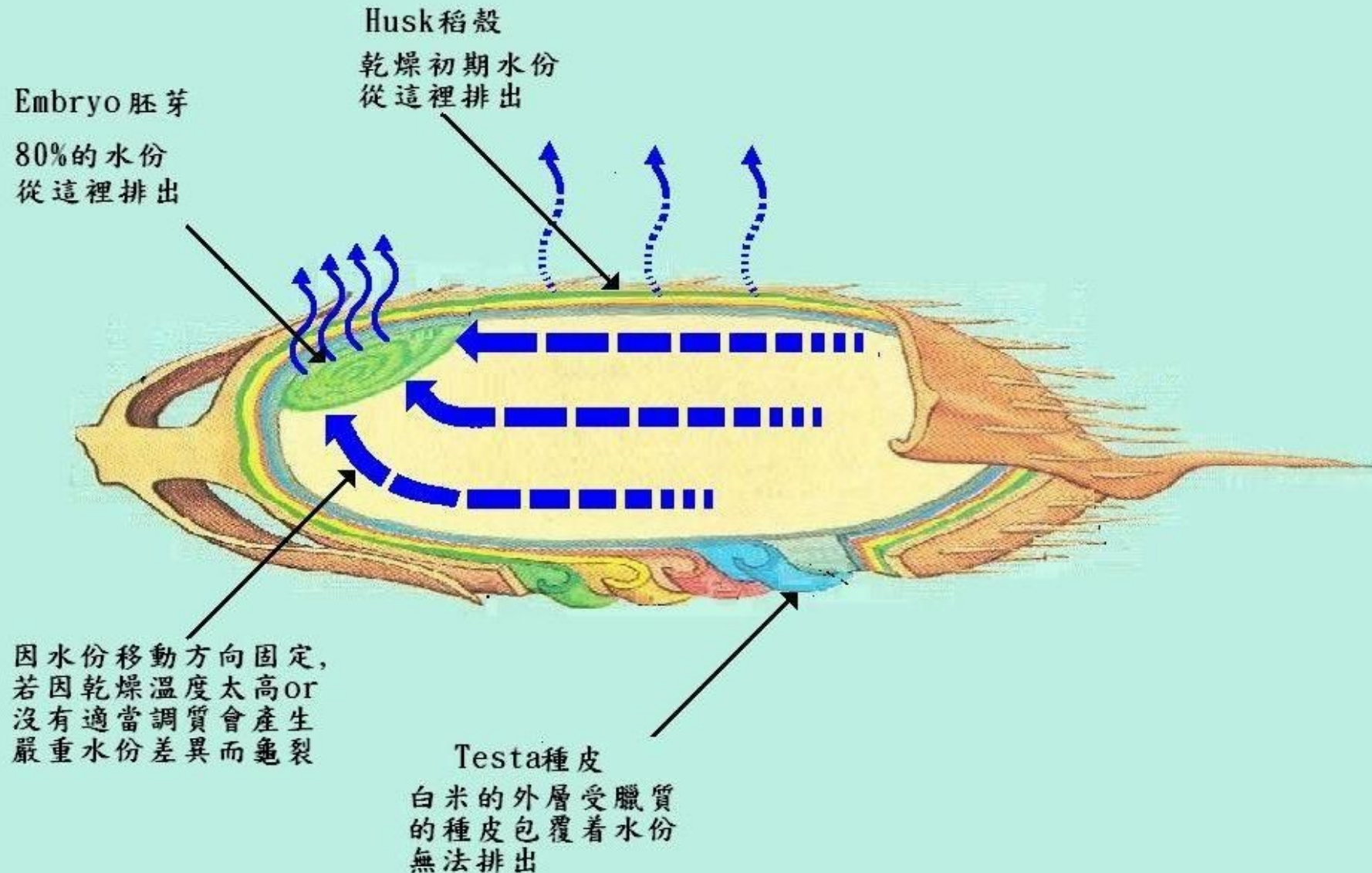
- ✘ Thiếu khâu nghiên cứu phát triển hiệu quả, nhất là xây dựng được nền tảng thị trường ổn định
- ✘ Chưa xây dựng nên dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại, để chủ động về môi trường thiên nhiên
- ✘ Chưa áp dụng công nghệ tiên tiến để bảo quản nguyên liệu và chế biến ra các sản phẩm có giá trị cao
- ✘ Chưa có một chiến lược phát triển đủ tầm để biến ngành nông nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta

VÍ DỤ: LÀM THẾ NÀO ĐỂ SẢN XUẤT GẠO CHẤT LƯỢNG CAO?

- 1. Giống tốt**
- 2. Quản lý canh tác tốt**
- 3. Thu hoạch đúng thời điểm và sấy ngay lập tức**
(Ở Nhật, nếu ẩm độ trong lúa trên 24%, lúa phải được sấy trong vòng 10 tiếng nếu không sẽ trở thành thức ăn gia súc bởi vì lúa được xem là hỏng và có chứa độc tố)
- 4. Máy sấy và kỹ thuật sấy tốt**
- 5. Kiểm soát nghiêm ngặt ẩm độ và nhiệt độ của hạt lúa.**
- 6. Trữ trong điều kiện lý tưởng**
(kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm)

稻穀水份移動圖

MOISTURE MOVEMENT OF PADDY



THAY ĐỔI ĐỘ ẨM TRONG HẠT LÚA

- ✘ 20% độ ẩm của lúa nằm trong lớp vỏ trấu và 80% còn lại nằm trong nhân hạt lúa.
- ✘ Hơi nước trên vỏ trấu bốc hơi nhanh chóng qua bề mặt, nhưng hơi nước bên trong bị lớp vỏ ngoài bao bọc nên phải thoát qua phôi lúa.
- ✘ Khi hạt lúa được sấy, hơi nước gần phôi thoát ra nhanh, nhưng hơi nước ở đầu còn lại vẫn cao, dẫn đến sự mất cân bằng về độ ẩm trong hạt lúa, dẫn đến lúa bị nứt, gãy.

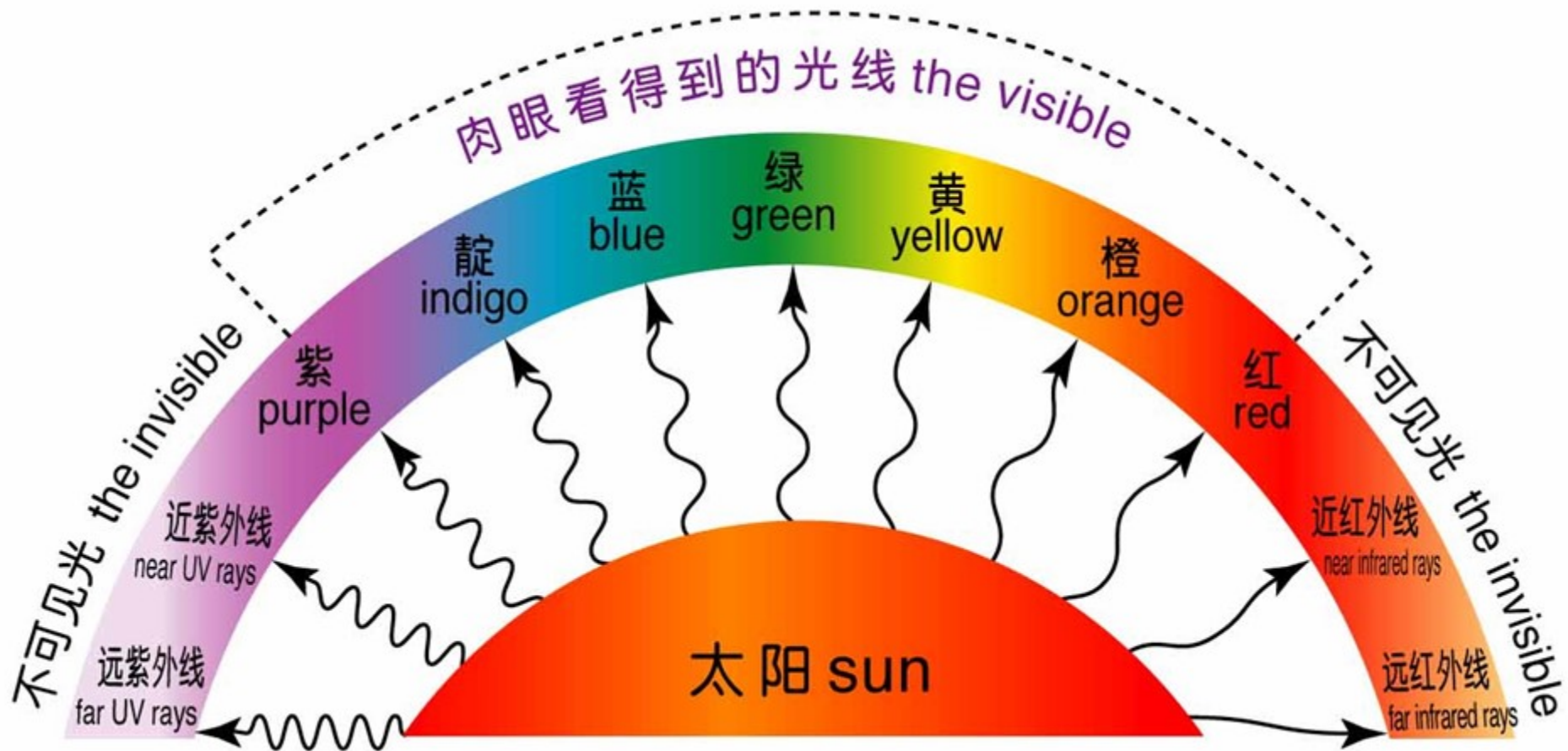
GIỚI HẠN TRỮ GẠO

	Nhiệt độ trữ	Thời gian trữ
15%	0~10°C	3 năm
	15°C	2 năm
	20°C	1.5 năm
	25°C	1 năm
16%	0~10°C	3 năm
	10°C	2.5 năm
	15°C	1.5 năm
	20°C	1 năm
	25°C	0.5 năm
18%	0~5°C	1 năm
	10°C	0.5 năm
	15~25°C	Khó trữ
20%	0~5°C	0.5 year
	10~25°C	Khó trữ

HIỂU BIẾT VỀ ĐỘC TỔ

- ✘ Độc tố chủ yếu sinh ra bởi nấm mốc, mà nấm mốc ưa thích môi trường ẩm ướt và ấm áp. Các điều kiện thường sinh ra độc tố là nhiệt độ khoảng $25 \sim 30\text{ }^{\circ}\text{C}$, độ ẩm tương đối trên 75%, độ ẩm của hạt khoảng 15 ~ 30%
- ✘ Độc tố có thể tồn tại trong môi trường nhiệt độ cao lên đến $208\text{ }^{\circ}\text{C}$. Những gia súc được cho ăn thức ăn nhiễm độc tố có thể truyền độc tố sang con người khi con người ăn những gia súc này.
- ✘ Độc tố aflatoxin được xem là có độc tính cao nhất, một lượng nhỏ cũng có thể gây ung thư.
- ✘ Cái chết bí ẩn của gà tây ở Anh, thức ăn cho chó bị nhiễm độc và những vấn đề đối với gạo dự trữ là do độc tố aflatozin gây ra.

SÁY NHIỆT HỒNG NGOẠI LÀ GÌ?



Sắc nhiệt hồng ngoại là những ánh sáng tự nhiên và an toàn, giúp đốt nóng các vật thể từ bên trong

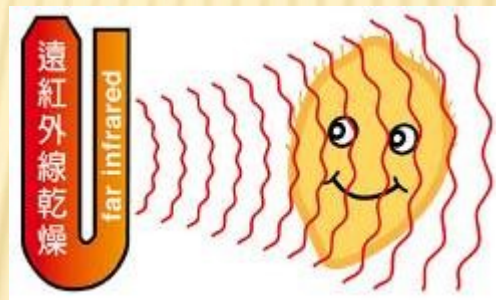
MÁY SẤY NHIỆT HỒNG NGOẠI = VỊ NGON + KHÔ NHANH + GIÁ RẺ

Khí nóng

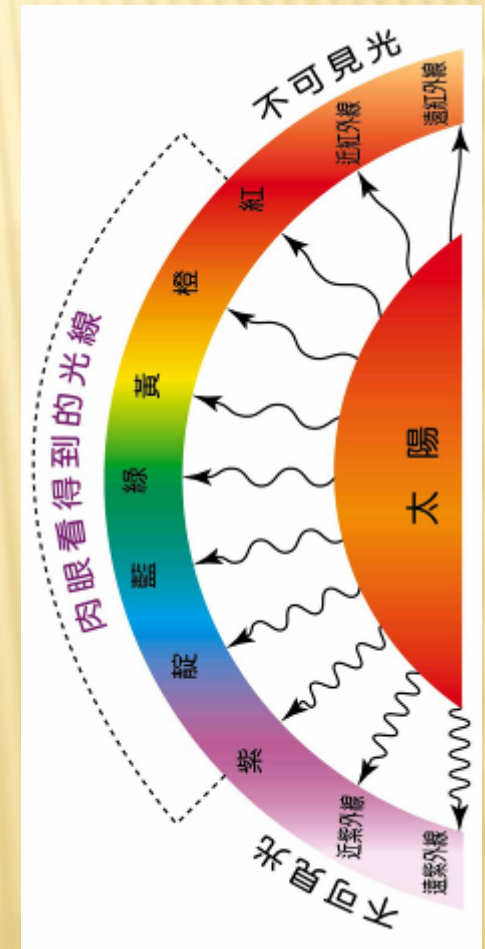


Lúa được đốt nóng bên ngoài

Nhiệt hồng ngoại



Nhiệt thâm nhập vào trong hạt lúa và làm khô đồng thời bên trong và bên ngoài



NHỮNG TỒN TẠI KHÓ KHĂN CỤ THỂ TRONG CÔNG TÁC QUI HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Chung cho cả nước:

- Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Vấn đề hệ thống giao thông chưa đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển liên kết vùng và cả nước.
- Vấn đề đền bù giải tỏa đất đai.
- Vấn đề lao động và công ăn việc làm.
- Vấn đề nhà ở cho người ăn lương.

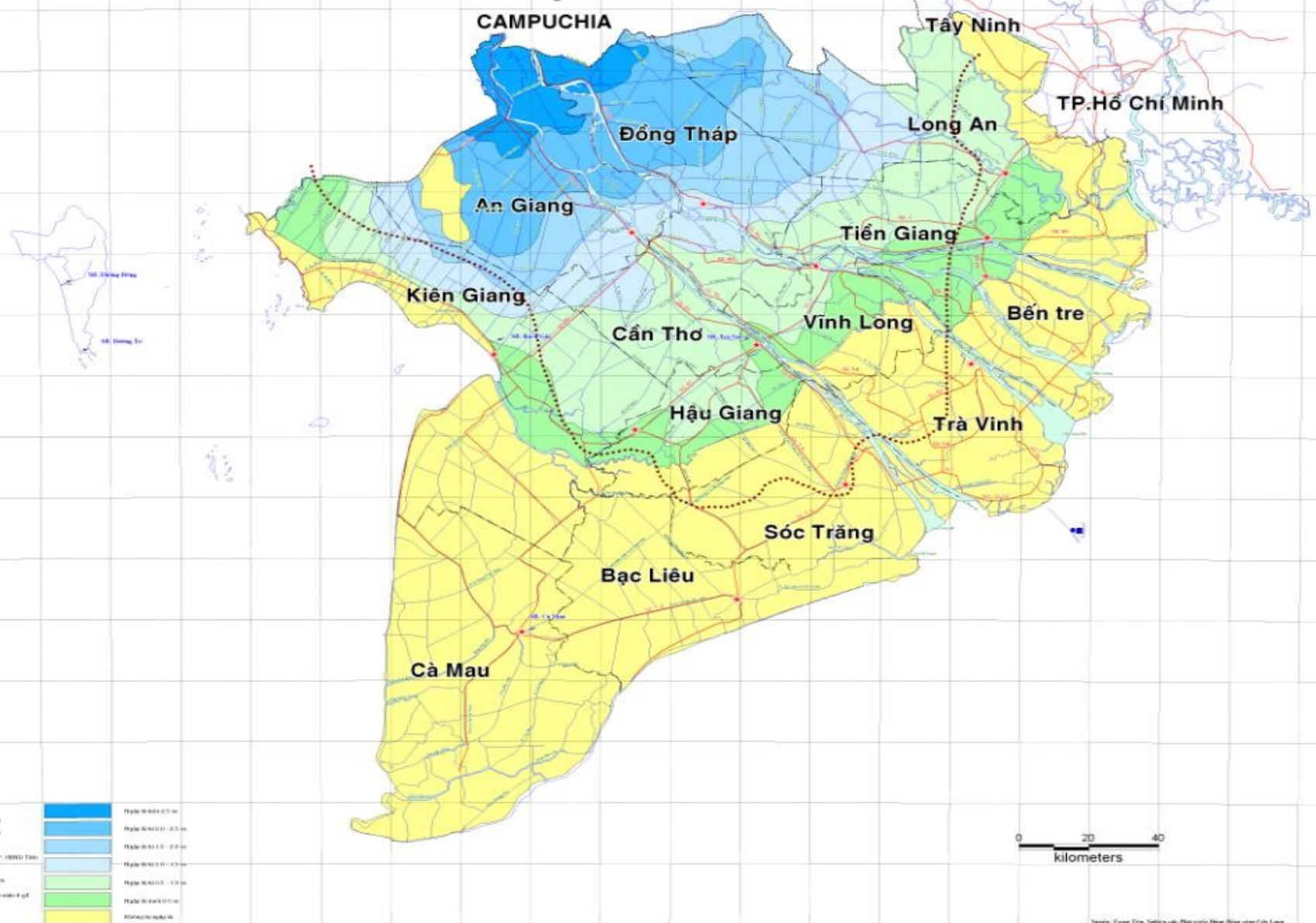
MỘT SỐ CÂN NHẮC CHIẾN LƯỢC

An Giang cần làm gì trước tình hình nêu trên:

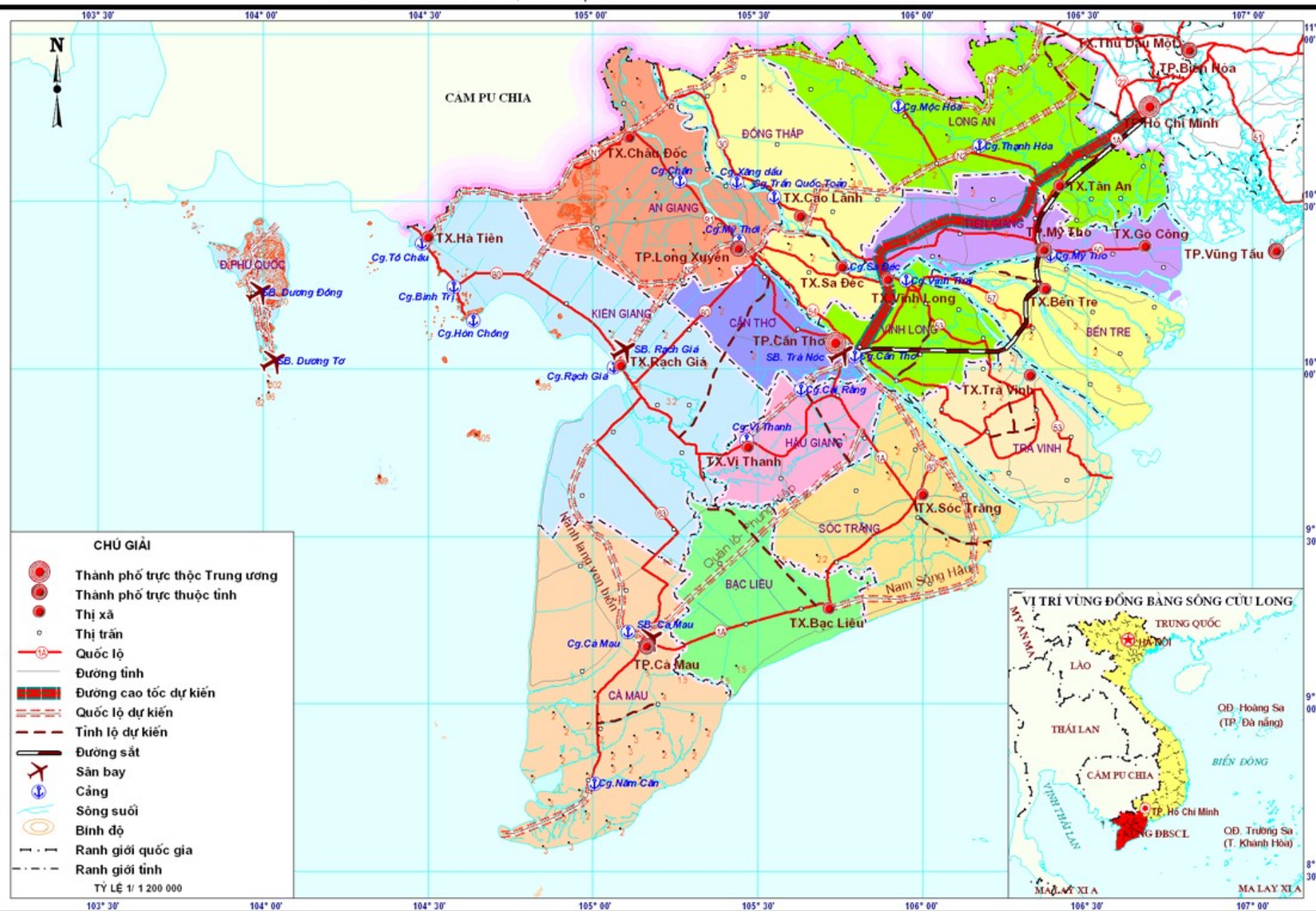
- Vấn đề giao thông và phân bổ dân cư.
- Vấn đề nông nghiệp (nuôi, trồng trên vùng ngập mặn, nước lợ, nước ngọt) khi vùng ngập mặn vào sâu trên đồng bằng Sông Cửu Long bị tác động bởi sự biến đổi khí hậu.
- Chọn ngành khoa học kỹ thuật mũi nhọn nào để thúc đẩy sự đột phá cho tương lai.

BẢN ĐỒ NGẬP Lũ VÀ XÂM NHẬP MẶN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tỉ lệ: 1/450.000



BẢN ĐỒ GIAO THÔNG, ĐÔ THỊ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



RIÊNG VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ

- Mọi cơ cấu vật nuôi cây trồng trong tương lai đều phải đưa yếu tố biến đổi khí vào kế hoạch phát triển.
- Để đối phó với hiệu ứng nhà kính gây nên sự biến đổi khí hậu, xu thế cơ cấu bữa ăn sẽ thay đổi. Bảy phần rau củ, hai phần thủy hải sản, một phần thịt. Như vậy cơ cấu bữa ăn VN sẽ có một cơ hội phát triển trong tương lai.
- Biến vai trò kho lương thực thực phẩm (ở sân sau) trở thành cửa hàng thực phẩm của cả nước và xuất khẩu (sân trước). Đưa công nghệ chế biến vào chiến lược phát triển ĐBSCL, tạo ra chuỗi giá trị mới cho ngành nông nghiệp.
- Đặt công nghệ sinh học là ngành mũi nhọn ưu tiên phát triển để làm cơ sở dẫn dắt cho nông nghiệp, công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp cao cấp sử dụng từ nguyên liệu có gốc từ nông nghiệp trong tương lai.